



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I HÀ NỘI

Phạm Thị Minh Nguyệt

**THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
ĐỂ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA TRONG CÁC HỘ NÔNG DÂN
NGOẠI THÀNH HÀ NỘI**

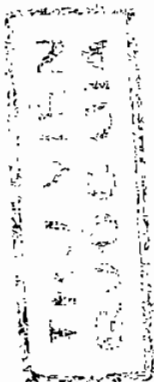
Chuyên ngành: Kinh tế và tổ chức lao động

Mã số: 5.02.07

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

HÀ NỘI - 1999

LT 7/13



Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I HÀ NỘI

Phạm Thị Minh Nguyệt

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS.TS Trần Đình Đăng
2. GS.TS Nguyễn Thế Nhã

Phản biên 1: PGS. TS Lê Du Phong

Phản biên 2: PGS. TS Đỗ Thị Ngà Thanh

Phản biên 3: GS. TS Lê Viết Ly

Luận án sẽ được bảo vệ tại hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước
họp tại

vào hồi..... giờ ngày tháng năm 2000

*Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện Quốc gia và
thư viện trường ĐHN I Hà Nội*

LỜI MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Phát triển chăn nuôi bò sữa ở ngoại thành Hà Nội không những nhằm đáp ứng nhu cầu về sữa của nhân dân Hà Nội, cung cấp nguyên liệu quan trọng cho nhà máy chế biến sữa Hà Nội mà còn góp phần thiết thực đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Trong đó vai trò của các hộ nông dân chăn nuôi bò sữa là hết sức to lớn.

Phát triển ngành chăn nuôi bò sữa ở Hà Nội còn có ý nghĩa to lớn về khai thác tiềm năng và lợi thế so sánh về nguồn lực của Thủ đô.

Hiện tại, đàn bò sữa ở Hà Nội phát triển chưa nhanh, mạnh và thiếu vững chắc, nhất là thị trường sữa tươi chưa đứng vững, chất lượng đàn bò và sữa tươi còn kém, số lượng bò sữa bị giảm mạnh vào những năm 1995-1996.

Để phát triển chăn nuôi bò sữa Hà Nội trong những năm tới có hiệu quả, đảm bảo sự cân đối giữa các ngành trong nông nghiệp nói riêng và trong ngành kinh tế quốc dân nói chung, phải giải quyết hàng loạt vấn đề cấp bách về kinh tế, kỹ thuật, xã hội... Vì những lẽ đó tác giả chọn vấn đề: *"Thực trạng và những giải pháp chủ yếu để phát triển chăn nuôi bò sữa trong các hộ nông dân ngoại thành Hà Nội"* làm đề tài nghiên cứu của luận án.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

- Góp phần luận giải và hệ thống hoá cơ sở khoa học của việc phát triển chăn nuôi bò sữa, đặc biệt là trong các hộ nông dân.

- Phân tích đánh giá khả năng và thực trạng về sự phát triển chăn nuôi bò sữa trong các hộ nông dân ở ngoại thành Hà Nội.

- Đưa ra phương hướng và các giải pháp chủ yếu để phát triển đàn bò sữa có hiệu quả trong các hộ nông dân ở ngoại thành Hà Nội.

3. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

- Đối tượng nghiên cứu: Các vấn đề lý luận và thực tế về phát triển chăn nuôi bò sữa của các hộ nông dân ở ngoại thành Hà Nội.

- Phạm vi nghiên cứu: Các hộ gia đình nông dân chăn nuôi bò sữa và mối liên hệ kinh tế giữa họ với các cơ sở chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa trên địa bàn Hà Nội.

4. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

- Góp phần làm sáng tỏ và hệ thống hoá cơ sở khoa học của việc phát triển chăn nuôi bò sữa, đặc biệt là sự phát triển chăn nuôi bò sữa trong các hộ gia đình nông dân, một tất yếu trong tiến trình phát triển nông nghiệp.

- Khẳng định chăn nuôi bò sữa của khu vực hộ gia đình là một ngành sản xuất có hiệu quả, rất thiết thực với công cuộc xây dựng nông thôn mới và là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội.

- Phân tích và làm rõ những điều kiện tác động đến việc phát triển chăn nuôi bò sữa trong các hộ nông dân ở ngoại thành Hà Nội. Đánh giá cụ thể thực trạng và những lợi thế về nguồn lực đối với việc phát triển chăn nuôi bò sữa và tiêu thụ sản phẩm sữa, rút ra những mặt thành công, chỉ ra những mặt yếu kém trong chăn nuôi bò sữa của khu vực kinh tế này.

- Đề xuất các quan điểm, phương hướng và những giải pháp chủ yếu để phát triển đàn bò sữa có hiệu quả trong các hộ nông dân ở ngoại thành Hà Nội.

5. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Luận án gồm 171 trang, với 35 bảng biểu, 1 bản đồ, 1 sơ đồ và 3 đồ thị. Ngoài các phần mở đầu và kết luận, luận án có 4 chương.

Chương 1

PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. QUAN NIỆM VỀ SỰ PHÁT TRIỂN TRONG CHĂN NUÔI BÒ SỮA

Sự phát triển về nghĩa hẹp, đó là sự mở rộng, khuếch trương, phát đạt, mở mang của sự vật, hiện tượng, hoặc ý tưởng tư duy trong đời sống một cách tương đối hoàn chỉnh trong một giai đoạn nhất định. Một nền kinh tế được phát triển tự trung bao gồm hai nội dung chủ yếu: đó là sự gia tăng của cải vật chất và dịch vụ, sự cải biến tiến bộ về cơ cấu kinh tế và đời sống xã hội cùng với việc đảm bảo hài hoà, toàn diện các mục tiêu: hiệu quả kinh tế - bền vững - bảo vệ môi trường.

Từ đó, đối với việc phát triển chăn nuôi bò sữa trong các hộ nông dân vùng ngoại thành Hà Nội chúng ta có thể hiểu nó bao gồm sự gia tăng quy mô đàn và cải tiến cơ cấu đàn theo chiều hướng tỷ lệ giống tốt cao, cân đối giữa các nhóm sao cho đảm bảo được quá trình tái sản xuất đàn đều đặn. đúng ý đồ tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường ngày càng cao.

1.2. VỊ TRÍ CỦA NGÀNH CHĂN NUÔI BÒ SỮA TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

- Chăn nuôi bò sữa là ngành sản xuất quan trọng của hầu hết các nước trên thế giới. Sản phẩm chính của chăn nuôi bò sữa là một trong những loại thực phẩm cao cấp có ý nghĩa rất lớn đối với việc tăng cường thể lực và cải tạo nòi giống con người.

- Phát triển chăn nuôi bò sữa góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập cho nông dân.

- Phát triển chăn nuôi bò sữa còn góp phần quan trọng trong việc dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn ngày càng phù hợp hơn.

- Phát triển chăn nuôi bò sữa góp phần đáp ứng nguyên liệu tại chỗ cho nhà máy chế biến sữa, giảm ngoại tệ để nhập khẩu sữa bột, bơ cũng như góp phần giảm chi phí sản xuất, chế biến sữa.

1.3. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA CHĂN NUÔI BÒ SỮA

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của chăn nuôi bò sữa luôn chi phối lớn đến sự phát triển chăn nuôi bò sữa trong các hộ gia đình nông dân. Sự đòi hỏi về điều kiện sinh thái thuận lợi; vốn đầu tư lớn; tính chặt chẽ về thực hiện quy trình chăn nuôi cũng như trong bảo quản sản phẩm khiến cho việc chăn nuôi bò sữa không dễ phát triển được một cách rộng khắp. Tuy vậy, bò sữa với hệ thần kinh cao cấp và mẫn cảm, với khả năng vừa cho sữa vừa mang thai, với khả năng chuyển hoá sản phẩm có giá trị thấp thành sản phẩm có giá trị cao lại rất thuận lợi cho các hộ nông dân khai thác và phát huy lợi thế của ngành sản xuất này.

1.4. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA

Chăn nuôi bò sữa chịu ảnh hưởng rất lớn của thời tiết khí hậu, đặc tính của đất đai, đồng cỏ và nguồn nước trong đất. Thị trường, tiền vốn, tay nghề của lao động cùng với những điều kiện về giao thông, các phương tiện vận tải, mối quan hệ giữa sản xuất và chế biến, các chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước đều chi phối không ít đến sự phát triển của chăn nuôi bò sữa. Ngoài ra, các nhân tố khác như hình thức tổ chức sản xuất, các yếu tố kỹ thuật như cách chăm sóc và lựa chọn con giống... cũng ảnh hưởng lớn đến chăn nuôi bò sữa.

1.5. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SỮA TRÊN THẾ GIỚI

Về sản xuất: Sản xuất sữa trên thế giới chủ yếu là sữa bò, hàng năm chiếm trên 86% tổng sản lượng sữa. Tuy vậy, trong những năm qua, tổng đàn bò sữa trên toàn thế giới tăng chậm, bình quân 0,4%/năm, tăng chủ yếu ở Châu Úc (5,7%/năm), trong khi đó ở Châu Âu giảm mạnh đến hơn 5%/năm.

Năng suất sữa bò toàn thế giới còn thấp, bình quân 3 năm gần đây là 2.062,3 kg/con/năm. Năng suất cao nhất là ở Châu Âu, bình quân 3 năm gần đây đạt 4.772 kg/con/năm, thấp nhất là Châu Phi chỉ có 471.7 kg/con/năm.

Riêng khu vực Châu Á, sản xuất sữa có sự gia tăng đáng kể, bình quân 1987-1997 là 4.3%/năm, đưa tổng sản lượng sữa của khu vực từ 95,14 triệu tấn năm 1987 lên 145,44 triệu tấn năm 1997. Điều đáng chú ý là ở một số nước đã có nhiều giải pháp hữu hiệu đối với phát triển chăn nuôi bò sữa như: Ấn Độ ngừng nhập sữa để đầu tư cho chăn nuôi bò sữa; Nhật Bản hỗ trợ thu nhập cho nông dân nuôi bò sữa; Trung Quốc trợ giá 253USD/tấn sữa tươi; Thái Lan với chương trình “phát triển chăn nuôi bò sữa” đã tác động toàn diện từ chuyên gia kỹ thuật, cung cấp vốn và tiêu thụ sữa.

Về tiêu thụ: mức tiêu thụ sữa, bơ, pho-mát bình quân đầu người ở các nước Châu Âu là khá cao và không biến động nhiều. Năm 1997 mức tiêu thụ sữa tươi nhiều nhất là Ai-len 190.3 kg/người/năm, sau đó là Thụy Điển 162,3 kg/người/năm. Việt Nam là nước có mức tiêu thụ sữa thấp, năm 1983, bình quân 0.84 kg/người/năm, đến 1998 cũng mới đạt 2,7 kg/người/năm. Như vậy Việt Nam vừa là nước có mức tiêu thụ sữa rất thấp vừa là nước có tốc độ tiêu dùng về sữa tăng chậm. Riêng sữa tươi, Việt Nam hiện bình quân mới chỉ có 0,28kg/người/năm.

1.6. TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI BÒ SỮA Ở VIỆT NAM

- Từ 1961-1965, là giai đoạn vừa thử nghiệm vừa sản xuất. Đến năm 1970, nước bạn Cu Ba đã viện trợ cho ta giống bò cao sản Holstein Friesian với 875 cái thuần và 68 đực giống.

- Giai đoạn 1975-1980, đàn bò phát triển với tốc độ chưa cao và chưa ổn định, tốc độ phát triển bình quân mỗi năm là 2.53%. Năm 1976, cả nước có 2360 con bò sữa với 900 tấn sữa tươi, năm 1980 có 4843 con với 3500 tấn sữa.

- Giai đoạn 1980-1985: tốc độ phát triển cao và ổn định, năm 1985 tăng

56,37% so với năm 1980. đạt 5800 con và 4700 tấn sữa. bình quân mỗi năm tăng 9.35%, gấp hơn 3 lần so với giai đoạn trước.

- Trong những năm đổi mới kinh tế. nhất là từ 1993 đến nay, ngành chăn nuôi bò sữa đã có những chuyển biến rất đáng kể. Năm 1990, từ 11.000 con bò sữa tăng lên 28.000 con năm 1998, đưa sản lượng sữa từ 9.300 tấn lên 41.000 tấn vào năm 1998, trong đó chủ yếu là ở thành phố Hồ Chí Minh (chiếm trên 70% tổng đàn và trên 60% sản lượng sữa toàn quốc).

1.7. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA

- **Thứ nhất:** Nhà nước có vai trò quyết định đối với việc phát triển ngành chăn nuôi bò sữa, được thể hiện qua chính sách đầu tư phát triển và đầu tư hỗ trợ.

- **Thứ hai:** Chú ý đầu tư đúng mức để nâng cao chất lượng đàn bò sữa, cần ưu tiên cho con giống và trang bị kỹ thuật cho công nghệ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sữa.

- **Thứ ba:** Công nghiệp chế biến sữa và thức ăn gia súc phải đi trước một bước, hoặc phải phát triển đồng bộ với chăn nuôi bò sữa.

- **Thứ tư:** Gắn liền sản xuất với tiêu thụ sữa thông qua tổ chức thu mua, sơ chế. Cần có cơ chế, quy trình và trang thiết bị đồng bộ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật kiểm tra vệ sinh sữa, tiếp nhận sữa nhanh chóng cho nông dân.

- **Thứ năm:** Làm tốt công tác giống bò sữa. Để tăng sản lượng sữa. xu hướng chung hiện nay là người ta quan tâm đến năng suất sữa hơn là số đầu con cho sữa. Vì vậy, việc lựa chọn, lai tạo giống bò cao sản là rất quan trọng.

- **Thứ sáu:** Chăn nuôi bò sữa phải kết hợp với bảo vệ môi trường, phát triển chăn nuôi trong hệ thống nông nghiệp bền vững. Đây là vấn đề có tính lâu dài và ổn định.

- **Thứ bảy:** Phát triển nhiều hình thức tổ chức chăn nuôi bò sữa, trong đó hình thức kinh tế trang trại gia đình là phổ biến ở nhiều nước do đạt được hiệu quả kinh tế- xã hội cao hơn.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM VÙNG NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. ĐẶC ĐIỂM CHỦ YẾU VÙNG NGOẠI THÀNH HÀ NỘI CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHĂN NUÔI BÒ SỮA

Hà Nội là thành phố lớn thứ hai của cả nước, gồm 7 quận và 5 huyện ngoại thành với tổng diện tích 927.39 km². Với vị trí trung tâm của Thủ đô, Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng, đồng thời là thị trường tiêu thụ rộng lớn đối với các loại sản phẩm, đặc biệt là những sản phẩm cao cấp như sữa, bơ...

Hà Nội có 402.994 lao động nông nghiệp trong độ tuổi. Diện tích đất nông nghiệp là 43.755 ha (trong đó có trên 4000 ha đất bãi và trên 90 ha đất trồng cỏ). Bình quân đất nông nghiệp trên một lao động là 0,108 ha, là địa phương có hệ thống đê dài 151,8 km, cơ sở hạ tầng ngày một nâng cấp, cải tạo. Thời tiết khí hậu ở đây thích nghi với nhiều loại cây trồng và vật nuôi. Cùng với những ưu thế khác cho thấy Hà Nội có những thuận lợi cơ bản đối với chăn nuôi bò sữa như sau:

- Có nguồn nước, điện và hệ thống giao thông, đặc biệt giao thông nông thôn đủ phục vụ cho yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá chăn nuôi bò sữa.

- Công nghiệp chế biến sữa và thị trường tiêu thụ sữa có nhiều chuyển biến tốt. Công tác khuyến nông có nhiều tác động tích cực.

- Lợi thế về sự tác động của các trường Đại học, Cao đẳng, các Viện nghiên cứu. Công ty trâu bò sữa, Nhà máy chế biến sữa... thông qua các tiến bộ khoa học kỹ thuật đã thực sự thúc đẩy chăn nuôi bò sữa trong các hộ gia đình phát triển mạnh mẽ hơn. Đặc biệt hiện nay thành phố Hà Nội đang thực hiện một Dự án đầu tư của Bỉ về sự phát triển chăn nuôi bò sữa.

Tuy vậy phát triển chăn nuôi bò sữa ở Hà Nội cũng còn khó khăn, đặc biệt là cơ sở vật chất cho chăn nuôi bò sữa: hệ thống chuồng trại chưa đảm bảo cả về chất lượng và diện tích, vị trí xây dựng chưa thích hợp, tình trạng ô nhiễm môi trường còn nặng nề. Con giống chưa đủ cung cấp cho các hộ và chưa được chọn lọc kỹ. Thức ăn cho bò vẫn mang nặng tính tận thu và sản

xuất thủ công. Nguồn vốn còn hạn chế. chưa đủ kinh phí để ứng dụng tiến bộ khoa học một cách rộng rãi như ứng dụng công nghệ cấy truyền phôi...

2.2. CHỌN ĐIỂM NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi ưu tiên và tập trung chọn những vùng có chăn nuôi bò sữa sớm nhất và ổn định nhất để nghiên cứu. Đó là các xã Trần Phú, Lĩnh Nam, Yên Sở (Thanh Trì) và Phù Đổng, Giang Biên, Hội Xá (Gia Lâm). Trên cơ sở điều tra tổng thể đàn bò sữa toàn thành phố. chúng tôi chọn 100 cá thể đại diện cho các giống bò và 100 hộ với các quy mô chăn nuôi khác nhau để đánh giá HQKT của từng giống bò và từng quy mô chăn nuôi. Qua đó cũng xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến năng suất sữa của đàn.

Ngoài những phương pháp chung như phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. chúng tôi dùng phương pháp thống kê kinh tế, phương pháp dự tính, dự báo và phân tích dự án để phân tích các số liệu điều tra theo các góc độ kinh tế và xã hội để thấy được xu hướng phát triển và dự tính nhu cầu về sữa cho vùng Hà Nội. Chúng tôi cũng tham khảo ý kiến của các chuyên gia chăn nuôi cũng như các chủ hộ chăn nuôi tiến hành chuyên khảo hẹp về vấn đề cho ăn, vắt sữa để có giải pháp chăm sóc phù hợp. Đề tài có sử dụng hàm sản xuất Cobb - Douglas trong việc xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sản xuất tới năng suất sữa. Chúng tôi dùng các chỉ tiêu như giá trị tăng thêm, thu nhập hỗn hợp... tính trên 1 lao động hay 1 đồng chi phí để tính hiệu quả kinh tế của ngành.

Chương 3

THỰC TRẠNG VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA Ở CÁC HỘ NÔNG DÂN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

3.1. THỰC TRẠNG VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA Ở CÁC HỘ NÔNG DÂN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

Đàn bò sữa trong các hộ nông dân ngoại thành Hà Nội tăng nhanh từ 30 con chiếm 10,8% năm 1991 lên 856 con chiếm 72,2% tổng đàn năm 1998. Số lượng và chất lượng đàn bò có nhiều chuyển biến tốt như bảng 1:

Bảng 1. Thực trạng toàn đàn bò sữa của Hà Nội từ 1994 -1998

Giống	1994			1995			1996			1997			1998		
	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3
Toàn thành phố	1040			1138			1105			817			1186		
Quốc doanh	282			250			202			192			330		
Ngoại QĐ	758			888			903			625			856		
Trong đó															
Bò cái VS	433	9,7	1207	496	8,1	1120	512	10,7	1599	398	10,8	1275	487	12,5	1809
Bò tơ, bê	325			392			391			227			369		
Ngoại	4	13,5	16,2	3	14,5	13,1	6	14,0	25,2	6	11,8	21,2	6	13,8	24,8
Con lai F1	204	11,0	673	221	9,0	596,7	259	11,5	895,1	139	11,0	458,7	241	12,5	903,8
Con lai F2	78	11,5	269	80	10,0	244,0	107	12,3	395,5	128	11,1	425,5	181	12,7	689,6
Con lai F3							18	13,0	70,2	77	12,2	81,6	32	13,2	114,0
Lai Sind	147	6,5	248	192	5,8	265,9	122	6,5	206,2	48	6,8	88,1	27	9,5	77,0

Chu thích: 1. Số lượng (con) 2. Năng suất sữa (lít/con/ngày) 3. Sản lượng sữa (tấn)

Với số lượng đàn bò như trên, trước năm 1992 hệ thống dịch vụ đi kèm chưa có gì đáng kể. Mạng lưới thú y hoạt động rời rạc, công tác thụ tinh nhân tạo không có sự quản lý chặt chẽ nên con lai không rõ nguồn gốc. Sản phẩm sản xuất ra chưa nhiều, người sản xuất luân phiên nhau để giao sữa cho các cửa hàng giải khát trong thành phố. Khoảng cuối 1992, xuất hiện dịch vụ thu gom sữa do một số hộ có điều kiện tự tổ chức, song hoạt động chưa thực sự hiệu quả đối với người sản xuất, đặc biệt vào những lúc thời tiết bất thuận.

Cuối năm 1998, hệ thống thu gom mới với đầy đủ yêu cầu về bảo quản sữa ra đời có sự trợ giúp của dự án sữa Hà Nội - Bỉ đã thực sự phát huy tác dụng. Song cũng chính lúc này, sự cạnh tranh giữa 2 tổ chức thu gom đang diễn ra rất mạnh mẽ, các tư nhân thu gom đã nâng giá thu mua cao hơn giá thu mua của trạm là 100 đồng/kg khiến cho trạm không đủ công suất hoạt động.

Một vấn đề mà người sản xuất luôn quan tâm, đó là tính hiệu quả của ngành. Chúng tôi cũng đã tính được hiệu quả kinh tế theo giống bò và theo các quy mô chăn nuôi của các hộ. Ở quy mô ≥ 7 con, thu nhập hỗn hợp tạo ra trên 1 ngày công là lớn nhất, kể đến là quy mô từ 3- 4 con. Kết quả được trình bày ở bảng 2 và 3.

Bảng 2. Một số chỉ tiêu kết quả và hiệu quả kinh tế của từng giống bò
(tính bình quân cho một bò cái vắt sữa trong 1 năm)

Chỉ tiêu	Đ/vị tính	Lai Sind	Lai F1	Lai F2	Lai F3	Ngoại thuần
Giá trị sản xuất (GO)	1000đ	6591.6	11149.0	11407.5	12433.6	11952.5
Tổng chi phí	1000đ	7523.3	10163.7	10543.9	10964.7	10904.4
Chi phí trung gian (IC)	1000đ	5369.2	6984.7	7289.9	7871	7512.4
Giá trị gia tăng (VA)	1000đ	1222.4	4164.3	4117.6	4562.6	4440.1
Thu nhập hỗn hợp (MI)	1000đ	472.3	2714.3	2592.6	3197.9	2777.1
MI/1000 đ chi phí LĐ	đồng	336.4	1569,9	1499.5	1849.6	1606.2
MI/1000 đ tổng chi phí	đồng	62.8	267.1	245.9	291.7	254.7

Bảng 3. Một số chỉ tiêu kết quả và hiệu quả kinh tế theo quy mô chăn nuôi
(tính bình quân cho một bò cái vắt sữa trong 1 năm)

Chỉ tiêu	Đ/vị tính	1-2con	3-4 con	5-6 con	≥7 con
Giá trị sản xuất (GO)	1000 đồng	9840.0	10744.4	10905.4	11103.6
Tổng chi phí	1000 đồng	9439.0	10012.9	10191.0	10278.1
Chi phí trung gian (IC)	1000 đồng	6623.0	6865.0	7095.8	7232.5
Giá trị gia tăng (VA)	1000 đồng	3217.0	3879.4	3809.2	3871.1
Thu nhập hỗn hợp (MI)	1000 đồng	2169.0	2473.5	2429.9	2502.5
MI/1000 đồng chi phí lao động	đồng	1226.8	1419,9	1416,1	1492,2
MI/ 1000 đồng tổng chi phí	đồng	229.8	247.0	238.4	243.5

Bảng 4. Mức độ ảnh hưởng của một số nhân tố đến năng suất sữa

Yếu tố ảnh hưởng	Biến	Hệ số	Giá trị t
Hệ số tự do	α_0	0.347775	0.547895 ^{NS}
Tay nghề	X_1	0.118418	2.254989***
Kỳ vắt sữa	X_2	0.071707	2.010531**
Giống	X_3	0.532024	4.699207***
Thức ăn tinh	X_4	0.692361	2.890798***
Thức ăn thô xanh	X_5	-0.5234	-2.10283**
Hệ số tương quan xác định	R^2	0.51	
Độ kiểm định mô hình	F	19.91	

Ghi chú: Số mẫu điều tra n = 100

** Có ý nghĩa thống kê ở mức 95- 98%

NS: Không có ý nghĩa thống kê

*** Có ý nghĩa thống kê ở mức trên 98%

Ngoài ra, chúng tôi cũng xác định được mức độ ảnh hưởng của một số nhân tố tới năng suất sữa thông qua việc vận dụng hàm Cobb-Douglas, từ đó có được sự khuyến cáo phù hợp với người sản xuất trong việc chăm sóc bò sữa. Kết quả bài toán được trình bày ở bảng 4 (trang 10).

Nhìn chung, khi các yếu tố trên tăng 1% đều làm tăng năng suất sữa từ 0,07 đến 0,69%, riêng thức ăn xanh cứ tăng 1% lại làm giảm năng suất sữa đi 0,52%. Điều này được giải thích do sự phối hợp khẩu phần còn chưa hợp lý, lượng thức ăn xanh quá nhiều sẽ làm tăng độ choán trong dạ dày, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận thức ăn tinh. Thực tế cho thấy nhiều khi trong máng còn thừa cả thức ăn tinh và thức ăn xanh, nhưng khi giảm thức ăn xanh, tăng lượng thức ăn tinh lên 1% thì năng suất sữa tăng 0,69%. Chính vì vậy, việc xác định khẩu phần ăn hợp lý cho bò sữa sẽ vừa tiết kiệm chi phí, vừa tăng năng suất sữa, từ đó tăng hiệu quả sản xuất.

Tóm lại: Mặc dù chăn nuôi bò sữa thời gian qua trong khu vực hộ gia đình có nhiều thăng trầm nhưng xét trên nhiều phương diện thì *chăn nuôi bò sữa ở ngoại thành Hà Nội đã có những tác dụng nhất định, bao gồm:*

- Đã mở ra một hướng đi mới cho nông dân ngoại thành về sản xuất nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông thôn, tạo tiền đề cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong nông nghiệp, nông thôn.

- Góp phần giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trong nông thôn.

- Cung cấp sữa tươi cho nhân dân và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thực phẩm Hà Nội.

- Tạo ra được một khoản thu nhập đáng kể trong các nông hộ chăn nuôi bò sữa, góp phần xoá đói giảm nghèo trong nông thôn, tạo ra nguồn phân bón cho thâm canh tăng năng suất cây trồng, cải tạo đất

Những nguyên nhân chủ yếu của thành công trên là:

- Đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong chiến lược phát triển kinh tế, sự đổi mới cơ chế quản lý.

- Có sự định hướng đúng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự chỉ đạo sát sao của UBND các cấp, sự phối hợp tác động của các nhà khoa học, các viện nghiên cứu và các cơ quan chức năng.

- Sự thu hút của tính hiệu quả trong chăn nuôi, vấn đề việc làm trong nông thôn, sự thay đổi cơ cấu kinh tế trong nông thôn và tương lai của ngành sản xuất mới.

Bên cạnh những thành công trên, trong thời gian qua, *chăn nuôi bò sữa vẫn còn nhiều mặt hạn chế rõ nét như :*

- Đầu tư xây dựng trạm trại và vật tư kỹ thuật chuyên dùng còn thấp.

- Công tác quản lý giống và phối giống bò sữa trên địa bàn thành phố, còn mang tính tự phát, tùy tiện.

- Thức ăn cho bò sữa thời gian qua cũng chưa được đáp ứng đầy đủ, giá cả không ổn định, nông dân chưa có thói quen sử dụng thức ăn công nghiệp.

- Lực lượng cán bộ thú y mỏng và trình độ còn thấp, điều kiện làm việc còn nhiều hạn chế.

- Vấn đề tiêu thụ sữa tươi còn nhiều khó khăn. Mối quan hệ về lợi ích kinh tế giữa người sản xuất, người thu gom (hoặc trung tâm thu gom) và cơ sở chế biến chưa được giải quyết thoả đáng. Sự cạnh tranh trong khâu thu gom đã ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả thu gom, hạn chế tính bền vững của nó.

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại trên là

- Sự biến động giá cả và sự mất cân đối giữa giá đầu vào và đầu ra. Đây chính là nguyên nhân kinh tế làm cản trở sự phát triển chăn nuôi bò sữa.

- Khả năng tái sản xuất đàn bị hạn chế.

- Khả năng về tài chính trong các nông hộ còn rất eo hẹp.

3.2. KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA VÙNG NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

- Căn cứ vào mức tiêu dùng sữa bình quân đầu người của Hà Nội, dự kiến năm 2000 Hà Nội cần 45000 tấn và năm 2010 cần 75000 tấn sữa tươi. Trong khi đó mức sản xuất hiện nay mới chỉ đáp ứng gần 10% nhu cầu. Rõ

ràng thị trường tiêu thụ sữa tươi của Hà Nội hiện đang bò ngổ nên rất thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm của chăn nuôi bò sữa.

- Các yếu tố sản xuất của Hà Nội bao gồm thời tiết khí hậu, sức lao động, khoa học kỹ thuật, vốn, đất đai, nguồn nước, cơ sở vật chất kỹ thuật.v.v. hiện nay về nhiều mặt là có lợi thế, thích nghi và đáp ứng tốt yêu cầu phát triển chăn nuôi bò sữa. Song vẫn còn nhiều trở ngại, ví như sự có hạn và xen kẽ của đất canh tác với đất XDCCB, sự có hạn của vốn, sự nghèo nàn về cơ sở chuồng trại, chưa có cơ sở chế biến thức ăn phù hợp...

- Khả năng về môi trường sản xuất kinh doanh: về cơ bản có nhiều thuận lợi đối với sự phát triển chăn nuôi bò sữa Hà Nội như môi trường pháp lý, văn hoá, xã hội, chính trị, khoa học và công nghệ, sinh thái v.v., riêng môi trường kinh tế còn có hạn chế, thể hiện ở mối quan hệ về giá cả giữa đầu vào và đầu ra của sản phẩm, giữa sản phẩm trong nước và nhập nội...

Tóm lại, từ những điều kiện và khả năng đã phân tích trên, có thể khẳng định rằng chăn nuôi bò sữa trong các hộ nông dân ngoại thành Hà Nội sẽ được phát triển mạnh mẽ hơn, đáp ứng về quy mô đầu con và sản lượng sữa tươi đến năm 2000 và năm 2010. Đương nhiên, mỗi điều kiện cũng như khả năng đều có giới hạn của nó, đòi hỏi cần khai thác tốt những gì có tính ưu thế và hạn chế mọi trở ngại trong quá trình phát triển chăn nuôi bò sữa của Hà Nội.

Chương 4

NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA TRONG CÁC HỘ NÔNG DÂN VÙNG NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

4.1. QUAN ĐIỂM CHỦ YẾU NHẪM ĐỊNH HƯỚNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA HÀ NỘI

- Phát triển chăn nuôi bò sữa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Chú trọng phát triển chăn nuôi bò sữa trong các hộ gia đình nông dân với nhiều hình thức tổ chức linh hoạt, trong đó đặc biệt là hình thức trang trại;

đồng thời luôn khẳng định và phát huy vai trò chủ đạo của các cơ sở quốc doanh trong chăn nuôi bò sữa.

- Quán triệt quan điểm phát triển chăn nuôi bò sữa trong hệ thống nông nghiệp bền vững, đảm bảo tính hiệu quả toàn diện.

- Con đường phát triển chăn nuôi bò sữa phải đi từ thâm canh. Tuy vậy, trước mắt cần kết hợp tăng trưởng về số lượng cùng với chú trọng nâng cao chất lượng đàn bò sữa.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA

Phương hướng và mục tiêu chung của Hà Nội là:

- Phát triển chăn nuôi bò sữa thành ngành sản xuất hàng hoá theo hướng CNH, HĐH, sớm hình thành vùng chuyên môn hoá chăn nuôi bò sữa tập trung có quy mô vừa và lớn.

- Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất nhằm tăng sản lượng sữa tươi phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng tại chỗ và nguyên liệu cho nhà máy sữa Hà Nội.

- Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp vùng ven bãi, ven sông theo hướng sản xuất thực phẩm chất lượng cao.

- Kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất và chế biến, hoàn thiện mạng lưới thu gom, tiêu thụ sữa, nâng cao chất lượng sữa tươi.

4.3. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA TRONG CÁC HỘ NÔNG DÂN VÙNG NGOẠI THÀNH HÀ NỘI

4.3.1. Tổ chức công tác tiêu thụ sữa tươi

Dự báo được nhu cầu của thị trường về sữa (như bảng 5).

Bảng 5. Dự tính nhu cầu tiêu dùng sữa (quy sữa tươi) của Hà Nội

Năm	Nhu cầu (tấn)	Năm	Nhu cầu (tấn)	Năm	Nhu cầu (tấn)
1994*	20000	1999	114800	2005	218600
1995*	41000	2000	132100	2006	235900
1996*	82500	2001	149400	2007	253200
1997*	90000	2002	166700	2008	270500
1998*	97500	2003	184000	2009	287800
		2004	201300	2010	305100

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả; * Số liệu của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội

* *Cần tổ chức tốt kênh tiêu thụ sản phẩm* bằng cách:

- Ổn định lại hoạt động dịch vụ thu gom tự nhiên.
- Hoàn thiện hoạt động của các trạm thu gom
- Tổ chức ký hợp đồng mua bán sữa
- Khuyến khích lợi ích vật chất trong việc giao, bán sữa

- Xây dựng mới các trạm thu gom: Việc xây dựng mới các trạm thu gom phải trên nguyên tắc hoạt động có hiệu quả. Do đó, các trạm phải khai thác được ít nhất 80% công suất thiết kế. Trước khi xây dựng, cần xem xét các điều kiện cần và đủ, nhất là khả năng phát triển của vùng nguyên liệu. Giai đoạn 1 xây dựng thêm 3 trạm ở Dương Xá, Trung Mậu, Trán Phú. Sau đó, giai đoạn 2 xây dựng thêm 12 trạm cho 12 xã có đàn bò nhiều nhất.

* *Đa dạng hoá hình thức tiêu thụ*

* *Xác định giá cả sản phẩm sữa tươi và ổn định thị trường*

Việc xác định giá cả sản phẩm sữa tươi phù hợp sẽ bảo đảm sự cân đối trong phân phối lợi nhuận giữa các công đoạn: sản xuất (hộ chăn nuôi bò sữa), vận chuyển (trung tâm thu gom hay hộ thu gom) và chế biến (nhà máy sữa).

Bằng phương pháp định giá theo chi phí, chúng tôi tính được giá công trại của các hộ sản xuất sữa là 2887,5 đồng/kg. Nếu trạm thu mua với giá là 3100 đồng/kg thì lợi nhuận/đơn vị sản phẩm là 212,5 đồng/lít. Lợi nhuận bình quân/1 bò cái vắt sữa từ 2018,7 đồng đến 2932,5 đồng/ngày là các hộ chấp nhận được. Bằng cách tính toàn bộ chi phí cho quá trình bảo quản và tiêu thụ, chúng tôi xác định được được chi phí bảo quản cho 1 kg sữa (không tính chi phí khấu hao cơ bản) là 335 đồng nếu hiệu suất sử dụng là 80%. Giá bán của thu gom cho nhà máy tùy thuộc chất lượng sữa, qua theo dõi chúng tôi thấy giá bán dao động từ 3300 đến 3500 đồng/kg. Với giá này, trung tâm thu hồi được chi phí bảo quản và có phần tích lũy. Như vậy, giá bán của nông dân và giá mua của trạm thu gom trước mắt là hợp lý, 2 bên cùng có lợi.

4.3.2. Quy hoạch vùng chăn nuôi bò sữa của ngoại thành Hà Nội

Vùng chăn nuôi bò sữa chủ yếu ở các xã ven sông, bao gồm các xã ven sông Đuống như Phù Đổng, Trung Mậu, Cò Bi, Dương Hà, Dương xá, Giang Biên... các xã ven sông Hồng như Long Biên, Cự Khối, Đông Dư, Lĩnh Nam, Trần Phú, Vĩnh Ngọc, Hải Bối... và các xã đôi gò của Sóc Sơn như Thanh Xuân, Minh Phú, Phú Lỗ, Nam Sơn...

4.3.3. Xác định quy mô đàn hợp lý

Về quy mô tổng đàn: Căn cứ vào số bò thịt và bò sữa hiện có, vào khả năng tuyển chọn cái nền của đàn bò thịt, tỷ lệ thụ thai, tỷ lệ đực/cái của bê mới sinh, tỷ lệ nuôi sống, tỷ lệ loại thải, luận án đưa ra 2 phương án như bảng 6.

Bảng 6. Dự kiến quy mô tổng đàn năm 1999 - 2000 và sau 2000

(Khu vực hộ gia đình nông dân)

Đơn vị tính: con

Chỉ tiêu	1998	1999	2000	2005	2010
<i>Phương án 1: Tổng đàn</i>	854	978	1169	2438	5121
Trong đó: 1) Bò cái vắt sữa	485	668	692	1467	3082
Riêng bò cái sữa cao sản	6	6	16	128	289
2) Bò tơ	257	100	189	425	891
3) Bê	112	210	288	546	1148
<i>Phương án 2: Tổng đàn</i>	854	2428	3168	3638	5186
Trong đó: 1) Bò cái vắt sữa	485	668	1997	2414	3354
Riêng bò cái sữa cao sản	6	6	16	128	289
2) Bò tơ	257	1550	289	636	884
3) Bê	112	210	882	588	948

Phương án 1: Phương án này hoàn toàn chọn lọc trong đàn bò sữa hiện có, nên tính khả thi cao, năng suất ổn định, song kế hoạch của năm 2000 lại không thực hiện được. Về lâu dài, nếu không quản lý tốt khâu chọn đực giống sẽ rất dễ tăng tỷ lệ máu ngoại và sẽ rất khó trong chăm sóc nuôi dưỡng.

Phương án 2: Chọn từ đàn bò thịt 1449 con đã được Sind hoá và Zebu hoá để phối giống sữa nên đáp ứng được nhiệm vụ của ngành về số đầu con. Tuy vậy, do chọn lọc ban đầu từ bò không phải giống sữa, nên năng suất sữa bình quân những năm đầu thấp nhưng tổng sản lượng cao hơn phương án 1.

Về quy mô trong các hộ gia đình, chúng tôi khẳng định:

Để phát huy cao nhất năng lực hiện có của các nông hộ như lao động, đất đai và các phụ phẩm từ trồng trọt thì trước mắt chăn nuôi bò sữa theo quy mô 3-4 con/hộ là có hiệu quả nhất. Quy mô này có thể áp dụng được với hầu hết các hộ nông dân trong vùng và cả các vùng khác có điều kiện tương tự. Quy mô 7 con tuy có hiệu quả cao nhất nhưng không phải quy mô áp dụng được với phần lớn các hộ. Tuy vậy, cần tích cực tạo những thuận lợi để mở rộng quy mô theo hướng này.

Mở rộng quy mô chăn nuôi theo kiểu trang trại: là rất cần thiết và là tất yếu trong tiến trình phát triển nông nghiệp và thực tế chăn nuôi bò sữa của Hà Nội trong thời gian qua. Trong năm 1999, cần làm điểm với 9 hộ đã có tiềm năng cơ bản thoả mãn với hình thức sản xuất trang trại và nhu cầu mở rộng quy mô. Sau đó, tùy thuộc điều kiện mà nhân rộng với các xã hoặc huyện khác.

4.3.4. Tổ chức tốt công tác giống bò sữa

Có rất nhiều vấn đề cần giải quyết để có được đàn giống tốt, song trước mắt cần làm tốt những nội dung cơ bản sau: Tổ chức bình tuyển lại đàn giống; Tổ chức lai tạo con giống mới; Nhập nội và áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong việc cấy truyền phôi.

4.3.5. Tổ chức tốt công tác dịch vụ hỗ trợ nông dân

Về hỗ trợ vốn : cần cụ thể với từng loại vốn như sau:

Đối với vốn ngân sách nên cụ thể phương thức hỗ trợ cho nông dân như sau:

a) Hỗ trợ chi phí cho công tác phối giống bò gồm: chi phí mua tinh, chi phí vật tư bảo quản tinh, chi phí phương tiện kỹ thuật để phối tinh... Hộ chỉ phải trả 30.000 đồng cho đến khi phối có kết quả

b) Hỗ trợ chi phí cho việc xây dựng và vận hành trạm thu gom như chi phí xây dựng, lắp đặt, vận chuyển, điện nước, quản lý...

c) Đầu tư cho việc nâng cao trình độ kỹ thuật cho người lao động thông qua tổ chức tập huấn, tham quan và in các tài liệu hướng dẫn về kỹ thuật...

d) Đầu tư cho việc giữ giống lai Sind: trợ giá 300.000 đ/1 bê cái F1.

Đối với vốn tín dụng:

Lãi suất cho vay chăn nuôi bò sữa nên ưu đãi: dưới 6%/năm với thời hạn trên 3 năm. Mức cho vay tối thiểu trị giá bằng nửa giá trị một con bò cho sữa.

Đối với các nguồn vốn khác

Phát huy có hiệu quả nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế, trước mắt là vốn của Dự án bò sữa do Vương quốc Bỉ tài trợ. Từ nay đến hết năm 2000 phải sử dụng hết vốn đầu tư đã ký với Bỉ là 2,5 triệu USD trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng và con giống. Dự tính danh mục đầu tư qua bảng 7.

Bảng 7. Dự tính danh mục đầu tư và vốn đầu tư để phát triển chăn nuôi bò sữa

Danh mục đầu tư	ĐVT	1998	1999	2000	2005	2010
<i>Hiện vật</i>						
Trạm thu gom sữa	Trạm	4	3	12	5	10
Bò giống nhập nội	Con	50	150	100	100	100
Tinh viên	Liều	2800	3540	4500	3846	8627
Tinh cọng rạ	Liều	1000	2000	2500	4500	5500
<i>Vốn đầu tư</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>2050</i>	<i>4197</i>	<i>4586</i>	<i>3582</i>	<i>4641</i>
Trạm thu gom sữa	Triệu đồng	640	480	1920	900	1600
Cải tạo trạm TTNT	Triệu đồng		200			
Mua giống bò ngoại	Triệu đồng	1000	3000	2000	2000	2000
Mua tinh viên	Triệu đồng	140	177	225	192	431
Mua tinh cọng rạ	Triệu đồng	20	40	41	90	110
Khuyến nông	Triệu đồng	250	300	400	400	500

Nguồn: Dự án bò sữa Hà Nội

Cần có biện pháp để đưa quỹ tín dụng trị giá 100.000 USD gửi trong Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam của Dự án cho nông dân vay với điều kiện người

vay phải được đào tạo về chăn nuôi bò sữa và chỉ được dùng vốn đó trong chăn nuôi bò sữa. Các tổ chức đoàn thể như Hội Phụ nữ, Hội Chăn nuôi cũng có thể phát huy tác dụng của mình trong sự phát triển chăn nuôi bò sữa bằng cách giúp đỡ lẫn nhau về tiền vốn, về con giống và về kỹ thuật chăn nuôi.

Về hỗ trợ về dịch vụ kỹ thuật: Chủ yếu vẫn là chăm sóc nuôi dưỡng và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cụ thể như:

- Thụ tinh nhân tạo với bò cái nên là giống Lai Sind đã được tuyển chọn với tinh đông viên nhập ngoại giống sữa.

- Hướng dẫn chi tiết hơn trong cách phối hợp thức ăn và sử dụng nguyên tố vi lượng trong khẩu phần ăn và cho bò uống đủ nước.

- Cần có những lớp tập huấn về chăm sóc bò sữa một cách thường xuyên cho các hộ mới tham gia chăn nuôi bò sữa. Phải vắt sữa và cho ăn đúng giờ và có khoảng cách hợp lý giữa các lần vắt sữa.

- Cần hướng dẫn cho người chăn nuôi phát hiện và xử lý các bệnh thông thường của bò sữa cũng như phát hiện bò cái động dục.

- Trồng cỏ là một việc làm mới, cần giúp các hộ có được giống cỏ trồng một cách kịp thời và hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch sao cho có cỏ sạch với năng suất cao nhất.

Về dịch vụ tiêu thụ sản phẩm: Chúng tôi nhấn mạnh các vấn đề sau:

- Tổ chức các điểm thu gom hợp lý, từng điểm phải được trang bị dụng cụ và phương tiện kiểm tra sữa một cách khoa học.

- Phát huy vai trò nhóm trung gian làm công tác thu gom, cạnh tranh lành mạnh với các trung tâm thu gom.

- Tổ chức bảo quản lạnh với những nhóm xa trung tâm thu gom, hợp đồng vận chuyển kịp thời giao cho nhà máy chế biến sữa.

- Tập huấn cho người sản xuất nắm vững những vấn đề cơ bản về vệ sinh sữa, nhận biết các thông số của quá trình kiểm nghiệm.

Có sự trợ giúp của các cấp chính quyền các huyện và thành phố đối với việc quản lý và tổ chức hoạt động của các trung tâm thu gom. Đồng thời nhà nước cũng cần có những ràng buộc nhất định với các cơ sở chế biến sữa trong việc thu mua sữa tươi. Trước mắt, chỉ cho phép nhập khẩu sữa bột sau khi mua hết sữa sản xuất trong nước. Chúng tôi hy vọng việc gia nhập thị trường tự do của Việt Nam sắp tới sẽ không ảnh hưởng tới ngành nhờ sự vận dụng lợi thế so sánh trong việc sử dụng lao động và các điều kiện khác cho chăn nuôi bò sữa.

4.3.6. Vấn đề giải quyết thức ăn

Về thức ăn tinh

Theo tính toán của các nhà chuyên môn, bình quân một bò cái vắt sữa với năng suất 10-12 lít/ngày cần 4,3 kg cám hỗn hợp/ngày. Bò cạn sữa và bò tơ cần 1-2 kg/ngày và bê 12 tháng tuổi cần 0,5 -1 kg/ngày. Như vậy lượng thức ăn tinh cần cho năm 2000 khoảng 3300 tấn và năm 2010 khoảng 6500 tấn. Trước mắt, cần khai thác hết công suất của các cơ sở chế biến tại Hà Nội. Đồng thời, để chủ động trong sản xuất, Hà Nội có thể xây dựng một xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc, công suất khoảng 4000-5000 tấn/năm vào năm 2000.

Về thức ăn xanh

Theo tính toán, cần về cỏ cho đàn bò đến năm 2000 khoảng 30000 tấn cỏ tươi và hơn 10000 tấn cỏ khô. Đến năm 2010 cần khoảng 42000 tấn cỏ tươi và 14000 tấn cỏ khô. Đối lại, cung về cỏ chỉ đạt chừng 12000 tấn. Vì vậy, quy hoạch đất trồng cỏ là vấn đề rất quan trọng, nên đưa cỏ voi vào trồng cho bò sữa, hướng dẫn quy trình trồng và thu hoạch cỏ, tập huấn phương pháp ủ chua thức ăn xanh v.v. Theo chúng tôi, cần mạnh dạn chuyển hẳn 1 số diện tích đất trồng lúa - màu của các xã có mật độ bò sữa cao (hiện tại và sau này) như Phù Đổng, Dương Hà, Trung Mậu, Hội Xá, Long Biên..Vĩnh Ngọc, Tâm Xá, Lĩnh Nam, Yên Sở... sang trồng cỏ và màu, cần giảm thuế sử dụng loại đất trên. Để làm được vấn đề này cần có khuyến khích kinh tế để các hộ có thể chuyển đổi đất cho nhau, tránh làm ảnh hưởng đến sản xuất các cây trồng khác. Bình quân mỗi đầu bò sữa cần ít nhất

500 m² đất trồng cây thức ăn xanh. Chỉ có trên cơ sở giải quyết chủ động như trên thì Hà Nội mới đảm bảo tốt được lượng thức ăn xanh cho chăn nuôi bò sữa.

4.3.7. Những vấn đề về môi trường

Cùng với những biện pháp giải quyết thường nhật, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh đến phương pháp túi khí Bioga. Đây là một cách bảo vệ môi trường tại chỗ rất khoa học, thiết thực và hiệu quả. Chi phí cho mỗi hố ủ từ 1-1.5 triệu đồng. Chúng tôi dự tính xây dựng 3 hố ủ trình diễn tại 3 huyện trong năm 1999, nếu đến năm 2000 vẫn chưa đủ sức thuyết phục thì xây dựng thêm ở mỗi xã 1 hố ủ nữa. Đồng thời có thể sử dụng hoạt chất EM trong các hộ gia đình cũng rất phù hợp.

4.3.8. Những vấn đề thuộc về chính sách kinh tế vĩ mô

- **Về đầu tư:** Cần tập trung đầu tư xây dựng các trung tâm thu gom sữa tươi, trang thiết bị thụ tinh nhân tạo, xe chuyên dụng, nhập giống và tinh bò cao sản. Ngoài ra, cần đầu tư hỗ trợ cho sản xuất và dịch vụ.

- **Chính sách tín dụng:** Cần cho nông dân vay vốn với lãi suất thấp (dưới 0,6%/tháng) và thời gian dài (ít nhất sau 3-5 năm). Số lượng cho vay thấp nhất trị giá bằng một nửa con bò cho sữa.

- **Chính sách thuế:** Từ nay đến khi Việt Nam gia nhập khối thị trường tự do, Nhà nước cần đánh thuế cao các sản phẩm sữa nhập nội, hạn chế việc nhập khẩu sữa bột, giảm thuế doanh thu từ mua sữa tươi cho nhà máy sữa (50% trong những năm đầu), nhằm thúc đẩy chăn nuôi bò sữa.

- **Chính sách giá cả:** Cần ổn định giá đầu vào (chủ yếu là thức ăn hỗn hợp) và giá thu mua sữa tươi. Trợ giá thức ăn cho chăn nuôi bò sữa trong thời gian đầu. Cố gắng đảm bảo mức giá thu mua vượt tối thiểu 7,5 % so với giá thành là người chăn nuôi có thể chấp nhận được.

- **Chính sách tạo con giống:** Cần khuyến khích các hộ nuôi Lai Sind thông qua đòn bẩy kinh tế: mỗi con bê F1 nên trợ cấp từ 300.000 đồng. Cần giao cho các cơ sở quốc doanh nhiệm vụ tạo con giống.

4.3.9. Dự kiến kết quả của đề tài

Chúng tôi khẳng định rằng: nếu thực hiện tốt các giải pháp trên thì sẽ đạt được những kết quả về mặt sản xuất như sau: (xem bảng 8)

Bảng 8. Dự kiến kết quả và hiệu quả phát triển chăn nuôi bò sữa khu vực hộ gia đình giai đoạn 2000 - 2010

Chỉ tiêu	Đ/vị tính	1998	1999	2000	2005	2010
Phương án 1: Tổng đàn	Con	854	978	1169	2438	5121
1/ Bò cái vắt sữa	Con	485	668	692	1467	3082
Riêng bò cái sữa cao sản	Con	6	6	16	128	289
2/ Bò tơ	Con	257	100	189	425	890
3/ Bê	Con	112	210	288	545	1148
Năng suất sữa BQ	lít/con/ngày	12	12	13	13	14
Tổng sản lượng sữa	Tấn	1817	2506	2652	5856	12632
Tổng thu từ sữa	Triệu đồng	5633	7769	8221	18154	39160
Phương án 2: Tổng đàn	Con	854	2428	3168	3638	5186
1/ Bò cái vắt sữa	Con	485	668	1997	2414	3354
Riêng bò cái sữa cao sản	Con	6	6	16	128	289
2/ Bò tơ	Con	257	1550	289	636	884
3/ Bê	Con	112	210	882	588	948
Năng suất sữa BQ	lít/con/ngày	12	12	8	12	13
Tổng sản lượng sữa	tấn	1817	2506	4381	8507	13386
Tổng thu từ sữa	Triệu đồng	5633	7769	13581	26371	41496

Trước hết, các giải pháp của đề tài đã nhanh chóng đảm bảo được số đầu con cho sữa với chất lượng tốt, mặc dù trong năm đầu của dự án chưa đáp ứng được nhiệm vụ kế hoạch về sữa. Từ 2005 trở đi, đàn bò sữa sẽ ổn định cả về năng suất và đủ khả năng để mở rộng quy mô.

Ngoài những kết quả đạt được về số đầu con, sản lượng sữa, các giải pháp trên còn tạo thêm việc làm cho khoảng 20.000 đến 30.000 lao động nông nghiệp, tăng thu nhập cho các hộ gia đình. Đồng thời còn góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, khai thác có hiệu quả những tiềm năng về đất đai, lao động và vốn trong nông thôn.

KẾT LUẬN

1. Phát triển chăn nuôi bò sữa là một vấn đề có tính chiến lược. Đối với vùng ngoại thành Hà Nội, phát triển chăn nuôi bò sữa trong hộ gia đình nông dân mang ý nghĩa kinh tế - xã hội to lớn về cung cấp sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, tăng thu nhập cho nông dân, tạo việc làm trong nông thôn, khai thác tiềm năng về nguồn lực của Thủ đô, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

2. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới và Việt Nam cho thấy rằng: để phát triển chăn nuôi bò sữa cần chú trọng đến vai trò đỡ đầu và điều tiết vĩ mô của Nhà nước về đầu tư con giống, về khoa học kỹ thuật và về công nghệ sản xuất - chế biến; đa dạng hoá hình thức chăn nuôi trong đó kinh tế nông hộ và trang trại gia đình là phổ biến; bảo vệ môi trường sinh thái...

3. Những thuận lợi chủ yếu đối với việc phát triển chăn nuôi bò sữa của Hà Nội hiện nay là lực lượng lao động dồi dào, cơ sở hạ tầng ngày càng được nâng cấp cải tạo, đặc biệt là hệ thống giao thông nông thôn đã đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá chăn nuôi bò sữa. Công nghệ chế biến sữa và thị trường tiêu thụ có nhiều chuyển biến tốt, công tác khuyến nông có nhiều tác động tích cực. Tuy vậy, còn những hạn chế cơ bản như: số lượng và chất lượng đàn bò chưa đáp ứng nhu cầu thị trường, đầu tư cho đàn bò, nhất là công nghệ, kỹ thuật và vốn còn quá ít và ở trình độ thấp kém, thị trường sữa tươi chưa được ổn định, chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ, người chăn nuôi chưa thực sự được khuyến khích.

4. Trên cơ sở đánh giá về mức độ hiệu quả của từng giống bò và từng quy mô chăn nuôi cũng như mức độ ảnh hưởng của một số nhân tố đến năng suất sữa của đàn, chúng tôi khẳng định, chăn nuôi bò sữa ở các hộ gia đình trong điều kiện hiện nay là có hiệu quả tuy chưa ổn định. Quy mô từ 3 - 4 con/hộ là thích hợp nhất với điều kiện hiện tại, nhưng quy mô có hiệu quả nhất là trên 7 con/hộ. Do đó, tạo điều kiện để mở rộng quy mô sản xuất theo hướng tập trung là rất quan trọng. Với quy mô hiện tại, thu nhập bình quân/hộ đạt từ 32,12 triệu đến 42,82 triệu đồng/năm.

5. Chúng tôi đưa ra 2 phương án để phát triển đàn bò sữa đến năm 2010, trong đó phương án 1 tính khả thi cao hơn. Với phương án này, đàn bò sữa vào năm 2000 là 1169 con, đến năm 2010 tổng đàn có 5121 con, trong đó cái vắt sữa có 3082 con; Sản lượng sữa tươi năm 2000 là 2652 lít và năm 2010 là 12632 lít. Phương án 2 mặc dù phụ thuộc quá trình Sind hoá đàn bò, nhưng kết quả đó vừa qua đã rất khả quan. Do đó, năm 2000 đạt 1997 cái vắt sữa với 4381 tấn sữa tươi và đến năm 2010 sẽ có 13386 tấn sữa, 3354 cái vắt sữa.

6. Trong những giải pháp chủ yếu để phát triển chăn nuôi bò sữa ở ngoại thành Hà Nội, chúng tôi rất quan tâm đến các vấn đề như: tiêu thụ sữa tươi, mở rộng vùng chuyên môn hoá chăn nuôi bò sữa, sản xuất thức ăn xanh cho đàn bò và tổ chức công tác dịch vụ để hỗ trợ nông dân. Việc xác định giá bán sữa tươi là rất nhạy cảm. Hiện tại với giá 3100 đồng/lít là có lãi đối với nông hộ, với giá 3450 đồng/lít là hoà vốn với trạm thu gom ở mức sản lượng thu mua đạt 80% công suất thiết kế. Ngoài ra, việc chuyển hướng trồng cây lúa- màu sang trồng màu và cỏ cho bò là một giải pháp vừa cấp thiết, vừa lâu dài quyết định đến sự phát triển của ngành.

KIẾN NGHỊ

- Nhà nước cần sớm hoàn thiện và bổ sung các chính sách đầu tư phát triển và đầu tư hỗ trợ, bảo hộ cho ngành chăn nuôi bò sữa.

- Thành phố Hà Nội cần tăng cường đầu tư cho khuyến nông, tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm để bảo vệ cho trung tâm thu gom hoạt động được mà không phải chịu sự chèn ép từ các tư nhân thu gom, trích vốn đầu tư thí điểm về mô hình trang trại và mô hình xử lý chất thải để khuyến khích các hộ chăn nuôi bảo vệ môi trường.

- Các hộ chăn nuôi cần tuân thủ một cách chặt chẽ những quy định về vệ sinh thú y, vệ sinh sữa, thực hiện nghiêm chỉnh những quy định trong hợp đồng bán sữa tươi tránh chạy theo lợi nhuận thuần tuý trước mắt làm ảnh hưởng tới hiệu quả của dịch vụ thu gom.

CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Phạm Thị Minh Nguyệt, *Thực trạng và một số giải pháp tăng nhanh đàn bò sữa nuôi trong các hộ gia đình huyện Gia Lâm ngoại thành Hà Nội*, Tập san hội thảo Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn. Số 3, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 11/1994.

2. Phạm Thị Minh Nguyệt, *Một số vấn đề về hiện trạng đàn bò sữa trong các hộ gia đình nông dân huyện Gia Lâm Hà Nội*. Kết quả nghiên cứu và trao đổi khoa học 1992-1994. Khoa KTNN trường ĐHNN I Hà Nội, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1995.

3. Phạm Thị Minh Nguyệt, *Bước đầu phát triển ngành chăn nuôi bò sữa trong các hộ gia đình nông dân ngoại thành Hà Nội*. Tập san hội thảo Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn. Số 4, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1995.

4. Phạm Thị Minh Nguyệt, *Thực trạng sản xuất và chế biến sữa ở Việt Nam*, Kết quả nghiên cứu khoa học nông nghiệp 1995-1996. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1996.

5. Phạm Thị Minh Nguyệt, *Tác động của chính sách kinh tế đến phát triển chăn nuôi bò sữa vùng ngoại thành Hà Nội*. Tạp chí Kinh tế nông nghiệp. Số 4/1998.

6. Phạm Thị Minh Nguyệt, Phùng Quốc Quảng, *Nghiên cứu các kênh tiêu thụ sữa tươi tại Hà Nội*. Tạp chí Kinh tế nông nghiệp. Số 5/1998

7. Phạm Thị Minh Nguyệt, *Xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới năng suất sữa của đàn bò trong các hộ nông dân vùng ngoại thành Hà Nội*. Tạp chí Kinh tế nông nghiệp. Số 6/1998.

8. Phạm Thị Minh Nguyệt, Phùng Quốc Quảng, *Chăn nuôi bò sữa gia đình vùng ngoại thành Hà Nội trong thời gian gần đây*. Tạp chí Chăn nuôi. Số 4/1998.

9. Phạm Thị Minh Nguyệt, Phùng Quốc Quảng, *Hiệu quả kinh tế chăn nuôi bò sữa trong các nông hộ ngoại thành Hà Nội*. Tạp chí Chăn nuôi. Số 1/1999